

Số: /GPMT-STNMT

Long An, ngày 11 tháng 6 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Long An ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định số 2935/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Long An về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Long An;

Xét Văn bản số 386/BQLDA-KHTĐ ngày 21/3/2024 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh về việc đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường của dự án Xây dựng mới Bệnh viện Phổi, quy mô 200 giường bệnh và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Long An, địa chỉ tại số 30-32, Quốc lộ 1A, Phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Xây dựng mới Bệnh viện Phổi, quy mô 200 giường bệnh”, địa điểm tại số 319 Châu Thị Kim, Phường 7, thành phố Tân An, tỉnh Long An với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng mới Bệnh viện Phổi, quy mô 200 giường bệnh.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 319 Châu Thị Kim, Phường 7, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy phép hoạt động:

- Quyết định số 3414/2002/QĐ-UB ngày 07/10/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc thành lập Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi.

- Quyết định số 1699/QĐ-UB ngày 19/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc đổi tên Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi thành Bệnh viện Phổi trực thuộc Sở Y tế tỉnh Long An.

- Giấy phép hoạt động số 000268/LA-GPHĐ ngày 09/7/2020 của Sở Y tế về việc cấp phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

- Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An về phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Phổi.

1.4. Mã số thuế: Không có.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổng diện tích đất của dự án: 14.180 m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AI 2128105 (số cấp vào sổ cấp GCN: CT03588) ngày 02/6/2009).

- Quy mô theo Luật Đầu tư công: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy trình hoạt động:

+ Quy trình khám và chữa bệnh ngoại trú: Tiếp nhận bệnh nhân → (Cấp cứu, hồi sức → Xét nghiệm/ X-quang/ Điện tim/ Siêu âm)/ (Khám cận lâm sàng và chuẩn đoán điều trị → Xét nghiệm/ X-quang/ Điện tim/ Siêu âm) → Cấp phát thuốc → Tái khám.

+ Quy trình khám và chữa bệnh nội trú: Tiếp nhận bệnh nhân → (Cấp cứu, hồi sức → Xét nghiệm/ X-quang/ Điện tim/ Siêu âm)/ (Khám cận lâm sàng và chuẩn đoán điều trị → Xét nghiệm, X-quang/ Điện tim/ Siêu âm) → Nhập viện → Thăm khám và điều trị (Cấp thuốc/ Truyền dịch/ Truyền máu/ Phẫu thuật/ Thủ thuật/ Chuyển viện) → Xuất viện.

- Quy mô hoạt động khám, chữa bệnh: 200 giường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Long An được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Long An có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 11/6/2024 đến ngày 10/6/2034).

Giấy phép môi trường số 4965/GPMT-STNMT ngày 01/8/2022 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh;
- Sở Y tế;
- Sở Xây dựng;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- UBND thành phố Tân An;
- UBND Phường 7;
- Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường - Công an tỉnh;
- Chủ dự án đầu tư;
- Lãnh đạo Sở;
- Pháp chế Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Trang thông tin điện tử của Sở TN & MT;
- Lưu: VT, QLMT, Hồng

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tân Thuận

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 4147/GPMT-STNMT ngày 11/6/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của cán bộ, công nhân viên bệnh viện.
- Nguồn số 02: Nước sinh hoạt từ nhà vệ sinh của phòng bệnh khu điều trị nội trú.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của nhà bảo vệ.
- Nguồn số 04: Nước thải từ nhà ăn.
- Nguồn số 05: Nước thải y tế từ hoạt động khám, chữa bệnh, xét nghiệm, khử trùng, rửa thiết bị y tế tại các khu khám, điều trị (từ khoa khám bệnh - cấp cứu, khoa điều trị lao - phổi, khoa khám cận lâm sàng).
- Nguồn số 06: Nước thải y tế từ các quá trình rửa dụng cụ phẫu thuật, y khoa, xét nghiệm.
- Nguồn số 07: Nước thải từ nhà giặt, vệ sinh bệnh viện.
- Nguồn số 08: Nước thải từ hệ thống rửa lọc RO.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống đường ống thoát nước thải do Chủ dự án đầu tư nằm dọc đường Huỳnh Hoàng Hiến dẫn vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Châu Thị Kim tại Phường 7, thành phố Tân An, tỉnh Long An rồi chảy vào nguồn tiếp nhận là rạch Bà Tàu chảy ra kênh Bảo Định rồi chảy vào nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Vàm Cỏ Tây.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hố ga cuối cùng ngoài tường rào dự án trước khi đầu nối vào hệ thống đường ống thoát nước thải do Chủ dự án đầu tư nằm dọc đường Huỳnh Hoàng Hiến dẫn vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Châu Thị Kim tại Phường 7, thành phố Tân An, tỉnh Long An rồi chảy vào nguồn tiếp nhận là rạch Bà Tàu chảy ra kênh Bảo Định rồi chảy vào nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Vàm Cỏ Tây.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 1163239 và Y= 0572227 theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3^0 .

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $150 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (tương đương $6,25 \text{ m}^3/\text{giờ}$).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của dự án được xả ngầm ra hố ga cuối cùng ngoài phạm vi dự án (ngoài tường rào dự án)

(tọa độ: X= 1163239 và Y= 0572227 theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3⁰) trước khi đầu nối vào hệ thống đường ống thoát nước thải Ø600mm do Chủ dự án đầu tư nằm dọc đường Huỳnh Hoàng Hiến dẫn vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Châu Thị Kim tại Phường 7, thành phố Tân An, tỉnh Long An rồi chảy vào nguồn tiếp nhận là rạch Bà Tàu chảy ra kênh Bảo Định rồi chảy vào nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Vàm Cỏ Tây (cách dự án khoảng 3.000m).

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải y tế (QCVN 28:2010/BTNMT, cột A với hệ số K=1,2), cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 28:2010/BTNMT, cột A với K=1,2
1	pH	-	6,5 - 8,5
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	36
3	COD	mg/L	60
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	60
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	1,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	6
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	36
8	Phosphat (tính theo P)	mg/L	7,2
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	12
10	Tổng coliforms	MPN/100mL	3.000
11	Salmonella	Vi khuẩn/100 mL	KPH
12	Shigella	Vi khuẩn/100 mL	KPH
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100 mL	KPH

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải; hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục; biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.1. Mạng lưới thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải.

- Nước mưa trên mái nhà và từng tầng tại các tòa nhà được thu gom bằng hệ thống trục ống PVC Ø90mm đặt sát vách tường và dẫn thẳng xuống hệ thống thu gom nước mưa theo đường ống PVC Ø168mm; Hệ thống thoát nước mưa được lắp đặt bao quanh các hạng mục công trình và lắp ngầm dưới lòng đất, các hố ga này được nối với nhau bằng hệ thống đường cống BTCT Ø400mm, độ dốc $i = 0,25\%$ với 29 hố ga có nắp đậy bố trí dọc các tuyến đường nội bộ chính trong khuôn viên dự án, khoảng cách trung bình giữa các hố ga là 10 - 24 m tùy vị trí với tổng chiều dài đường cống thoát nước mưa khoảng 279m. Hệ thống thoát nước mưa cục bộ dẫn nước mưa về hệ thống đường ống thoát nước chung của khu vực trên đường Châu Thị Kim rồi chảy ra nguồn tiếp nhận là rạch Bà Tàu thông qua 01 hố ga đầu nối ngoài tường rào dự án có toạ độ $X = 1163274$; $Y = 0572198$ (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

1.2. Mạng lưới thu gom, xử lý nước thải:

a) Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải từ các nhà vệ sinh của mỗi khu (bồn cầu, bồn tiểu, lavabo) (Nguồn số 01, 02, 03) được thu gom bằng hệ thống đường ống uPVC Ø42mm, Ø60mm, Ø90mm và Ø114mm, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của mỗi khu sau đó dẫn vào hệ thống đường cống thoát nước chung bằng ống uPVC Ø114mm, chiều dài khoảng 27,5m về hệ thống xử lý nước thải của dự án để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ nhà ăn (Nguồn số 04) được thu gom bằng ống uPVC Ø114mm dẫn vào bể tách dầu mỡ cục bộ (kích thước 0,4m x 0,3m x 0,3m) để xử lý sơ bộ sau đó dẫn vào hệ thống thoát nước thải chung bằng ống Ø114mm, chiều dài 20m dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ hoạt động khám, điều trị (bao gồm nước thải xét nghiệm và nước thải súc rửa vệ sinh dụng cụ xét nghiệm, dược phẩm thải bỏ, nhiễm khuẩn) (Nguồn số 05, 06) được phân loại, xử lý sơ bộ bằng cách: Khử khuẩn an toàn bằng hóa chất có phổ diệt khuẩn rộng như Chloramin B (0,5-1%), Javel (0,5-1%), Presept (0,5-1%), Phenol (0,1-0,5%), ... ngâm trong dung dịch 10-15 phút và pha loãng với nước thành dạng lỏng, sau đó dẫn vào hệ thống đường cống thoát nước chung bằng ống uPVC Ø140mm, chiều dài khoảng 15m về hệ thống xử lý nước thải của dự án để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ nhà giặt, vệ sinh Bệnh viện (Nguồn số 07) dẫn vào hệ thống đường cống thoát nước chung bằng ống dẫn uPVC Ø168mm, chiều dài khoảng 6,5m về hệ thống xử lý nước thải của dự án để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ quá trình rửa lọc RO (Nguồn số 08) dẫn vào hệ thống đường cống thoát nước chung bằng ống uPVC Ø90mm, chiều dài khoảng 5m về hệ thống xử lý nước thải của dự án để tiếp tục xử lý.

- Toàn bộ nước thải phát sinh tại dự án được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải có công suất thiết kế $150 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ bằng hệ thống đường ống uPVC Ø114mm và Ø315mm; Nước thải sau xử lý bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải y tế (QCVN 28:2010/BTNMT, cột A với hệ số $K=1,2$) sẽ được thu gom bằng đường cống uPVC Ø220mm, chiều dài 315m, tự chảy về 01 hố ga đầu nối nước thải có cấu tạo vật liệu BTCT, có kích thước $D \times R = 1,24\text{m} \times 1,24\text{m}$ sau đó thoát ra hệ thống đường ống

thoát nước thải do Chủ dự án đầu tư nằm dọc đường Huỳnh Hoàng Hiến dẫn vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Châu Thị Kim tại Phường 7, thành phố Tân An, tỉnh Long An rồi chảy vào nguồn tiếp nhận là rạch Bà Tàu chảy ra kênh Bảo Định rồi chảy vào nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Vàm Cỏ Tây; hố ga được đặt bên ngoài tường rào dự án có toạ độ: X= 1163239 và Y= 0572227 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°).

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ (1) Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn.

+ (2) Nước thải từ nhà ăn → Bể tách dầu cục bộ.

+ (3) Nước thải y tế.

+ (4) Nước thải từ hoạt động giặt đồ, vệ sinh bệnh viện.

+ (5) Nước thải từ hệ thống rửa lọc RO

+ (1) + (2) + (3) + (4) + (5) → Song chắn rác thô → Hố thu gom → Song chắn rác tinh → Bể điều hoà → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học kết hợp giá thể (Bể MBBR) → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Nguồn tiếp nhận (Hệ thống đường ống thoát nước do Chủ dự án đầu tư nằm dọc đường Huỳnh Hoàng Hiến sau đó dẫn vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Châu Thị Kim rồi chảy ra nguồn tiếp nhận là rạch Bà Tàu).

+ Bùn thải → Bể chứa bùn → Thu gom xử lý theo quy định.

- Công suất thiết kế: 150 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Cơ chất, Chlorine, NaOH 99% (hoặc các hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

1.3. Quan trắc nước thải định kỳ; hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Quan trắc nước thải định kỳ: Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành và bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải cụ thể:

+ Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; kiểm tra, vận hành và ghi chép các thông số của hệ thống xử lý nước thải mỗi ngày vào nhật ký vận hành.

+ Xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng công suất, quy

trình; niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thay thế.

+ Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải có trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa trong các bể xử lý trong thời gian khắc phục sự cố; dự án cam kết không thải nước thải chưa xử lý hoặc xử lý không đạt quy chuẩn quy định ra ngoài môi trường; đồng thời, hạn chế các hoạt động không cần thiết làm phát sinh nước thải trong quá trình khắc phục sự cố từ hệ thống xử lý nước thải; máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải được kiểm tra định kỳ hằng ngày, đảm bảo hệ thống luôn hoạt động trong tình trạng tốt nhất có thể; có nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải, kiểm tra ghi chép nhật ký vận hành hệ thống hằng ngày. Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, Chủ dự án đầu tư phải báo ngay với cơ quan có chức năng để kịp thời xử lý và dừng các công đoạn phát sinh nước thải để khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong nước thải sẽ được bơm từ các bể lưu chứa lên bể điều hoà rồi tiếp tục xử lý theo quy trình công nghệ xử lý của hệ thống; hệ thống xử lý nước thải ổn định hoạt động và ổn định chất lượng nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải mới tiến hành đấu nối vào hệ thống thoát nước của khu vực.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 01/2027 đến tháng 6/2027.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Vị trí lấy mẫu:

+ Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải (tại hồ thu gom).

+ Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải cục bộ của dự án (hồ ga cuối ngoài hàng rào dự án trên đường Huỳnh Hoàng Hiến có tọa độ: X= 1163239 và Y= 0572227, theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45', múi chiếu 3°)

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia 28:2010/BTNMT, cột A với hệ số K=1,2, tuyệt đối không xả nước thải chưa xử lý đạt yêu cầu quy định ra ngoài môi trường.

- Chủ dự án đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải sau hệ thống xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải, bao gồm các sự cố xảy ra và các biện pháp khắc phục sự cố.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu

quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án; đầu nối đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải (hệ thống cống thoát nước của dự án đầu tư trên đường Huỳnh Hoàng Hiến sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom và thoát nước chung của khu vực trên đường Châu Thị Kim); xây dựng hố ga đầu nối nước thải sau xử lý thuận tiện công tác kiểm tra, giám sát.

- Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án đầu tư phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

- Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4147/GPMT-STNMT ngày 11/6/2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải, mùi từ khu vực hệ thống xử lý nước thải (theo đề nghị của Chủ dự án đầu tư).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống phát thải sau giải pháp xử lý mùi khu vực hệ thống xử lý nước thải (Nguồn số 01); tọa độ vị trí xả khí thải: $X_3 = 1163303$, $Y_3 = 0572346$.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3^0)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 400 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải xả vào môi trường qua ống thoát khí theo phương thức quạt hút cưỡng bức, xả liên tục theo thời gian hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với $K_p=1,0$, $K_v=0,8$ và QCVN 20:2009/BTNMT), cụ thể như sau:

Stt	Vị trí	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	
1	Ống phát thải sau giải pháp xử lý mùi khu vực hệ thống xử lý nước thải	H ₂ S	mg/Nm ³	6	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với $K_p=1,0$ và $K_v=0,8$
2		NH ₃	mg/Nm ³	40	
3		Metyl mercaptan (CH ₃ CH)	mg/Nm ³	15	QCVN 20:2009/BTNMT

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải; hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục; biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.1. Mạng lưới, công trình thu gom, xử lý khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải, mùi phát sinh từ khu vực hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày.đêm. Khí thải, mùi phát sinh từ các bể trong hệ thống xử lý nước thải được hút ra ngoài nhờ quạt hút (công suất 400m³/giờ) theo đường ống thoát khí bằng uPVC, đường kính 0,168m; chiều dài khoảng 10m dẫn về công trình giảm thiểu mùi để xử lý trước khi thoát ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ giải pháp giảm thiểu mùi: Mùi từ khu vực hệ thống xử lý nước thải → Tháp hấp thụ (Dung dịch NaOH) → Vật liệu tách ẩm → Quạt hút (lưu lượng 400 m³/giờ) → Tháp hấp phụ (Than hoạt tính) → Ống thải (Chiều cao 6m; đường kính 0,168m).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (hoặc các hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

1.4. Quan trắc khí thải định kỳ; hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

- Quan trắc khí thải định kỳ: Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành công trình giảm thiểu mùi khu vực hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành và bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý mùi cụ thể:

+ Định kỳ kiểm tra các thiết bị hút, thoát khí thải.

+ Đào tạo đội ngũ nhân viên nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

+ Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như quạt hút,...

+ Trong trường hợp thiết bị gặp sự cố, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

+ Giám sát công trình giảm thiểu mùi thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố xảy ra.

+ Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan chức năng về môi trường các sự cố có thể xảy ra để có các biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này

trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Đảm bảo bụi, khí thải phát sinh tại dự án phải được thu gom, xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, $K_p = 1,0$ và $K_v = 0,8$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4147/GPMT- STNMT ngày 11/6/2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng số 01, công suất 800kVA.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng số 02, công suất 800kVA.
- Nguồn số 03: Máy thổi khí khu vực hệ thống xử lý nước thải, công suất 150 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 04: Quạt hút của giải pháp xử lý mùi khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 05: Máy nén khí khu vực trung tâm Oxy.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01 có tọa độ: $X_1=1163239$; $Y_1=0572311$.
- Nguồn số 02 có tọa độ: $X_2=1163312$; $Y_2=0572343$.
- Nguồn số 03 có tọa độ: $X_3=1163236$; $Y_3=0572309$.
- Nguồn số 04 có tọa độ: $X_4=1163303$; $Y_4=0572346$.
- Nguồn số 05 có tọa độ: $X_5=1163241$; $Y_5=0572311$.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Trong khuôn viên bệnh viện (khu vực đặc biệt)
2	70	55	-	Tất cả các điểm ngoài sát ngoài hàng rào bệnh viện (khu vực thông thường)

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	60	55	-	Trong khuôn viên bệnh viện (<i>khu vực đặc biệt</i>)
2	70	60	-	Tất cả các điểm ngoài sát ngoài hàng rào bệnh viện (<i>khu vực thông thường</i>)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Tất cả các phương tiện cấp cứu phục vụ cho dự án đạt các tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm và của ngành y tế mới được phép lưu thông.

- Phương tiện vận tải của dự án khi lưu thông trong khuôn viên dự án chỉ được phép mở còi hụ vào ban ngày, ban đêm chỉ mở đèn tín hiệu cấp cứu, không mở còi cấp cứu.

- Xe của thân nhân bệnh nhân chỉ được phép lưu thông trong dự án từ cổng Bệnh viện đến bãi xe hoặc đến phòng cấp cứu khi thật cần thiết và đậu xe tại bãi xe. Nghiêm cấm các phương tiện giao thông không phải là xe cấp cứu di chuyển trong khu điều trị bệnh.

- Các xe vận chuyển hàng hóa, chất thải chỉ được phép lưu thông trong khuôn viên Bệnh viện khi cần thiết nhằm tránh tình trạng làm ảnh hưởng đến sức khỏe thân nhân và bệnh nhân.

- Máy phát điện được lắp đặt đệm chống rung bằng cao su, nền móng được xây dựng bằng bê tông cốt thép chất lượng cao, chiều dày bề mặt từ 30-40cm, đồng thời được bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ; được đặt tại vị trí gần hàng rào Bệnh viện, cách biệt khu vực văn phòng, khu vực khám chữa bệnh và các khu vực nhạy cảm khác.

- Thiết bị, máy móc của trạm xử lý nước thải được lắp đặt trong nhà điều hành (phòng kín), lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su.

- Máy nén khí khu vực trung tâm oxy của Bệnh viện được lắp đặt đệm chống rung bằng cao su, nền móng được xây dựng bằng bê tông cốt thép chất lượng cao, chiều dày bề mặt từ 30-40cm, đồng thời được bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ; được xây dựng gần hệ thống xử lý nước thải tập trung, cách biệt khu vực văn phòng, khu vực khám chữa bệnh và các khu vực nhạy cảm khác.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết kế của dự án.

- Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

- Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4147/GPMT-STNMT ngày 11/6/2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải lây nhiễm phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/lỏng	13 01 01	13.238

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) không lây nhiễm:

1.2.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại không lây nhiễm phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Dược phẩm gây độc tế bào	Rắn/lỏng	13 01 03	64
2	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	Rắn	13 03 02	260
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	6
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	50
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	Rắn	16 01 13	10
6	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải (mùi)	Rắn	12 01 04	161
Tổng cộng				551

1.2.2. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại không lây nhiễm phải kiểm soát (Cần áp dụng ngưỡng CTNH (hay ngưỡng nguy hại của chất thải) theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng CTNH để phân định là CTNH hoặc CTRCNTT):

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	13 01 02	1.689
2	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	08 02 04	50
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	1.397
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	2.346
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	150
6	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Bùn	12 06 05	7.800
Tổng cộng				13.432

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn y tế thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế (Giấy, báo, bìa, thùng carton, vỏ hộp thuốc và các vật liệu giấy, túi nilon, chai nhựa,...)	-	2.418
2	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm	-	326
2.1	<i>Chất thải là vật liệu nhựa (chai nhựa đựng thuốc, hóa chất, dây truyền dịch, bơm tiêm không bao gồm đầu sắc nhọn - không chứa thành phần nguy hại, ...), vật liệu nhựa khác</i>	13 01 05	278
2.2	<i>Chất thải là vật liệu thủy tinh (chai, lọ thủy tinh đựng thuốc, hóa chất không chứa thành phần nguy hại, ...)</i>	13 01 05	48
3	Dầu mỡ thải (từ bể tách dầu cục bộ)	12 06 11	44
Tổng cộng			2.788

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt của bệnh nhân, công nhân viên Bệnh viện phát sinh với

khối lượng ước tính khoảng 100.800 kg/năm; chủ yếu bao gồm rác thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...) rác thải vô cơ (bao gồm nylon, vỏ lon, thủy tinh,...).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1 Chất thải lây nhiễm:

a) Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải lây nhiễm được phân loại ngay tại nguồn phát sinh và lưu chứa trong thùng nhựa PVC màu vàng, có lót túi màu vàng bên trong.

- Trang bị các thùng nhựa PVC 20 lít và thùng nhựa PVC 50 lít, có nắp đậy đặt tại hành lang các phòng bệnh, phòng khám, khoa khám bệnh, phòng phẫu thuật,... các thùng có dán nhãn cảnh báo nguy hại.

b) Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa chất thải lây nhiễm có kết cấu tường bao, mái lợp tôn, nền bê tông để chống thấm; xung quanh kho chứa có gờ bao. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, có nắp đậy kín cho từng loại chất thải phát sinh, máy điều hòa tại kho chất thải y tế nguy hại lây nhiễm, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.1.2 Chất thải nguy hại khác (chất thải nguy hại không lây nhiễm):

a) Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn nguy hại được phân loại tại nguồn, lưu chứa trong thùng nhựa màu đen và có dán tên, mã số CTNH.

- Bùn thải được thu gom tại bể chứa bùn có thể tích 15 m³ và hút định kỳ với tần suất 1 lần/năm.

b) Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có kết cấu tường bao, mái lợp tôn, nền bê tông để chống thấm; xung quanh kho chứa CTNH có gờ bao. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô và quy trình quản lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn y tế thông thường:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn y tế thông thường được phân loại ngay tại phòng bệnh và thu gom vào thùng chứa màu trắng, có lót túi màu trắng bên trong.

- Trang bị các thùng nhựa PVC 20 lít và thùng 60 lít đặt tại các phòng ban, phòng khám chữa bệnh, khu văn phòng, dọc lối đi, những nơi thích hợp trong khuôn viên bệnh viện.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 15 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ có tường bằng gạch, nền bê tông để chống thấm và có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.4.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại ngay tại phòng bệnh và thu gom vào thùng rác màu xanh, có lót túi màu xanh bên trong.
- Trang bị các thùng nhựa PVC 45 lít, có nắp đậy đặt tại hành lang các phòng bệnh, phòng khám, văn phòng, nhà vệ sinh.

2.4.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 15m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt có tường bằng gạch, nền bê tông để chống thấm và có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.5. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ dầu mỡ từ bể tách dầu cục bộ:

+ Bố trí 01 thiết bị tách dầu cục bộ dung tích 30 lít để xử lý sơ bộ nước thải từ nhà ăn, căn tin của dự án. Phần mỡ trong thiết bị tách mỡ định kỳ được vớt thủ công ra ngoài, giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường theo đúng quy định. Đảm bảo hệ thống xử lý hoạt động hiệu quả, tần suất thu gom dầu mỡ từ thiết bị khoảng 01 năm/lần.

+ Thiết kế, cấu tạo: Inox.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố bể tự hoại: thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố giải pháp giảm thiểu mùi khu vực hệ thống xử lý nước thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống giảm thiểu mùi, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất: Thiết kế nhà kho chứa hóa

chất hóa chất theo TCVN 5507:2002 và Nghị định 113/2017/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 28/12/2017 về hướng dẫn Luật hóa chất. Quá trình sử dụng, lưu trữ được phẩm, hoá chất tại Bệnh viện tuyệt đối tuân thủ Luật Hoá chất.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với công trình thủy lợi: Chủ dự án đầu tư cam kết nước thải sau xử lý đạt giới hạn cho phép của QCVN 28:2010/BTNMT, Cột A, K=1,2 trước khi thoát vào hệ thống đường ống thoát nước chung chảy ra rạch Bà Tàu. Trường hợp, hệ thống xử lý nước thải có sự cố, nước thải sẽ được lưu giữ ở các bể, tuyệt đối không để nước thải thoát ra môi trường ngoài.

- Biện pháp phòng chống cháy nổ: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Bệnh viện, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4147/GPMT-STNMT ngày 11/6/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường theo đúng quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo đúng quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động dự án.

3. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.

4. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. **Chậm nhất là 10 ngày** sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án đầu tư thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án đầu tư hoặc tại trụ sở UBND Phường 7 nơi dự án hoạt động.

6. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

7. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

8. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường ***trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm*** công trình xử lý chất thải để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải về Sở Tài nguyên và Môi trường trong ***thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm*** công trình xử lý chất thải.

9. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT (*kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12*), báo cáo gửi về trước ngày 15/01 của năm tiếp theo theo Quyết định số 3323/QĐ-BTNMT ngày 01/12/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

10. Chủ dự án đầu tư phải thực hiện thủ tục cấp đổi, điều chỉnh hoặc cấp lại giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.